CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ NH
TMCP ĐẠI CHÚNG
VIỆT NAM
2023-01-10 08:55:35

Hà Nội, tháng /2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I **11**
CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG **11**
ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ 11
ĐIỀU 2. MỤC ĐÍCH CỦA QUỸ 11
ĐIỀU 3. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 11
ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ 11
ĐIỀU 5. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN 12
ĐIỀU 6. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ 12
ĐIỀU 7. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 12
ĐIỀU 8. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 13
CHƯƠNG II **13**
CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH **13**
VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ **13**
ĐIỀU 9. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ 13
ĐIỀU 10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ 14
ĐIỀU 11. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ 15
ĐIỀU 12. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY VÀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ 17
ĐIỀU 13. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ 17
CHƯƠNG III **18**
NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH **18**
CHỨNG CHỈ QUỸ **18**
ĐIỀU14. NHÀ ĐẦU TƯ 18
ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ 18
ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ 20
ĐIỀU 17. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 20
ĐIỀU 18. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM NGỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ 24
ĐIỀU 19. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI 25
ĐIỀU 20. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ 27
CHƯƠNG IV **27**
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ **27**
ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 27
ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG 27
ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 28

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 28
ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 29
ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ 30
CHƯƠNG V 30
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 30
ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 30
ĐIỀU 28. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 32
ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 32
ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 33
ĐIỀU 31. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 33
ĐIỀU 32. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 34
ĐIỀU 33. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ 34
CHƯƠNG VI 35
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35
ĐIỀU 34. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35
ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 35
ĐIỀU 36. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 36
ĐIỀU 37. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 37
CHƯƠNG VII 38
NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 38
ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 38
ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 39
ĐIỀU 40. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 40
ĐIỀU 41. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT 42
CHƯƠNG VIII 42
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 42
ĐIỀU 42. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN 42
ĐIỀU 43. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 43
ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN 43
ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN 44
ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN 45
CHƯƠNG IX 45

ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI **45**
ĐIỀU 47. ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ 45
ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI 46
ĐIỀU 49. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ 47
CHƯƠNG X **48**
KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO **48**
ĐIỀU 50. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN 48
ĐIỀU 51. NĂM TÀI CHÍNH 48
ĐIỀU 52. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 48
ĐIỀU53. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 48
ĐIỀU 54. BÁO CÁO KHÁC 49
CHƯƠNG XI **49**
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG **49**
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ **49**
ĐIỀU 55. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 49
ĐIỀU 56. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ 50
ĐIỀU 57. QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN QUỸ 50
ĐIỀU 58. ĐỀN BÙ THIỆT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ 51
ĐIỀU 59. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ 52
CHƯƠNG XII **52**
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ **52**
ĐIỀU 60. THU NHẬP CỦA QUỸ 52
ĐIỀU 61. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 52
ĐIỀU 62. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ 53
CHƯƠNG XIII **55**
TÁI CƠ CẤU QUỸ **55**
ĐIỀU 63. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP 55
ĐIỀU 64. CÁC HOẠT ĐỘNG TÁCH QUỸ 55
ĐIỀU 65. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ 56
CHƯƠNG XIV **56**
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH **56**
ĐIỀU 66. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ 56

CHƯƠNG XV **57**
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ **57**
ĐIỀU 67. CÔNG BỐ THÔNG TIN 57
ĐIỀU 68. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ 57
ĐIỀU 69. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 58
ĐIỀU 70. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ 58
PHỤ LỤC 1 ..... **60**
PHỤ LỤC 2 ..... **62**
PHỤ LỤC 3 ..... **63**
PHỤ LỤC 4 ..... **64**
PHỤ LỤC 5 ..... **70**

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ:

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (sau đây gọi tắt là "Luật Chứng khoán");
2. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
3. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
4. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
5. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
6. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở;
9. Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về Chứng khoán phái sinh và thị trường Chứng khoán phái sinh;
10. Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài Chính về quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính;
11. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Bộ Tài Chính hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam
12. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài Chính quy định về hành nghề chứng khoán;
13. Thông tư số 102/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam;
14. Thông tư số 101/2021/TT-BTC ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
15. Thông tư 272/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (hết hiệu lực vào ngày 30/06/2022);

16. Thông tư số 25/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 04 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực chứng khoán (hiệu lực từ 01/07/2022);

17. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

II. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

"Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM"	Là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở thực hiện chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng được thành lập theo quy định của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.
"Công Ty Quản Lý Quỹ" hoặc "PVCB Capital"	Là Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB Capital) được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020. Công ty PVCB Capital được uỷ thác quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này.
"Ngân hàng Giám sát"	Là Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành (sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV Hà Thành), hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003 thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này.
"Công ty kiểm toán"	Là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được Đại hội Nhà Đầu Tư (hoặc Ban Đại diện Quỹ theo ủy quyền của Đại hội Nhà Đầu Tư) quyết định để thực hiện kiểm toán hàng năm đối với tài sản của Quỹ theo Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan.
"Điều lệ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM"	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và lưu hành Chứng chỉ Quỹ của Quỹ.
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM
"Nhà Đầu Tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM

"Đại hội Nhà Đầu Tư"	Là đại hội của Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM.
"Ban Đại diện Quỹ"	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
"Đơn vị Quỹ"	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
"Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM"	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là loại chứng khoán do Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB CAPITAL đại diện cho Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phát hành, dưới dạng bút toán hoặc ghi sổ, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của Nhà Đầu Tư đó đang sở hữu.
"Giá dịch vụ quản lý quỹ"	Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá phát hành"	Là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ/Bản cáo bạch.
"Giá mua lại"	Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại Chứng chỉ Quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ/ Bản cáo bạch.
"Giá dịch vụ phát hành"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi mua một Đơn vị Quỹ từ Quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được quy định tại Điều lệ quỹ.
"Giá dịch vụ mua lại"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi bán một Đơn vị Quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị Quỹ được quy định tại Điều lệ và được khấu trừ từ giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
"Giá dịch vụ chuyển đổi"	Là giá dịch vụ mà Nhà đầu tư phải trả khi chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở do cùng một công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ được chuyển đổi.

"Ngày đóng Quỹ"	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM theo quy định của pháp luật hiện hành, được áp dụng cho đợt phát hành Chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng.
"Năm tài chính"	Có nghĩa như định nghĩa tại Điều 51 của Điều lệ này
"Giá trị tài sản ròng của Quỹ (NAV)"	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM tại ngày định giá.
"Ngày định giá"	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và Điều lệ Quỹ.
"Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ"	Là ngày mà Công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ
"Thời điểm đóng sổ lệnh"	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ Nhà Đầu Tư để thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ và được công bố công khai tại Bản cáo bạch.
"Đại lý phân phối"	Là tổ chức kinh doanh chứng khoán, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm, tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng và ký Hợp đồng phân phối Chứng chỉ Quỹ mở với Công ty quản lý quỹ.
"Đại lý ký danh"	Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch Chứng chỉ Quỹ thay mặt cho các Nhà Đầu Tư tại sổ phụ.
"Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ; - Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ; - Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ; - Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

"Dịch vụ đại lý chuyển nhượng"	Là dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau: - Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản; - Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ; cập nhật sổ chính; - Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; - Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, Đại Hội Nhà Đầu Tư của quỹ; duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước giao dịch Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư; xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ mở; - Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư. -Thực hiện các hoạt động khác theo quy địnhcủa pháp luật và tại Điều lệ Quỹ
"Người có liên quan"	Là những người được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 2019.
"UBCKNN"	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
"Các định nghĩa khác"	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

CHƯƠNG I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

ĐIỀU 1. TÊN VÀ ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

- Tên quỹ: QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG PVCOM
- Tên viết tắt: PBIF
- Tên tiếng Anh: PVCOM BALANCE INVESTMENT FUND
- Loại hình quỹ: Quỹ mở
- Địa chỉ liên hệ:

Công Ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam

Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.

Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, Đống Đa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 39747088

Fax: 024 39747014

ĐIỀU 2. MỤC ĐÍCH CỦA QUỸ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam với mục đích cung cấp sản phẩm đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

ĐIỀU 3. THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động. Việc thay đổi thời gian hoạt động của quỹ sẽ thực hiện theo nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được tính từ ngày UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ.

ĐIỀU 4. NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC CỦA QUỸ

1. Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM là quỹ đại chúng dạng mở, hoạt động theo quy định của Luật Chứng Khoán, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán.

2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM có nghĩa vụ phải mua lại Chứng chỉ Quỹ đã được phát hành cho Nhà Đầu Tư theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM là Đại hội Nhà Đầu Tư.

4. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sẽ do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM, Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB Capital, Ngân hàng giám sát và thực hiện các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này.

5. Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB CAPITAL được chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM.

6. Ngân hàng giám sát thực hiện việc bảo quản, lưu ký, giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng Giám sát do công ty quản lý quỹ lựa chọn, đề xuất và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.

ĐIỀU 5. TỔNG VỐN HUY ĐỘNG VÀ SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ CHÀO BÁN

1. Vốn Điều Lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 51.000.000.000 VND (năm mươi mốt tỷ Việt Nam đồng).

2. Vốn Điều Lệ sẽ được chia thành tối thiểu 5.100.000 (năm triệu một trăm) Đơn Vị Quỹ.

3. Mệnh giá của một Đơn Vị Quỹ sẽ là 10.000 VND (mười nghìn Việt Nam đồng).

4. Nhà Đầu Tư sẽ góp vốn bằng Đồng Việt Nam theo cách thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

5. Quỹ không bị giới hạn số lượng tối đa Đơn Vị Quỹ được phát hành trừ khi Đại Hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.

6. Bất cứ thay đổi nào về giá trị vốn góp tối đa hoặc số lượng Đơn Vị Quỹ tối đa được phát hành sẽ do Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định và được báo cáo lên UBCKNN.

ĐIỀU 6. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CHÀO BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM chỉ định Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB CAPITAL) làm đại diện duy nhất huy động vốn và phát hành Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ PVCB CAPITAL hoặc Người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM ra công chúng.

ĐIỀU 7. CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

- Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Quản Lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCB CAPITAL)

- Giấy Phép Thành Lập và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.
- Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Hapro, số 11B Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 024 39747088
- Fax: 024 39747014
- PVCB CAPITAL là công ty quản lý quỹ chuyên biệt và duy nhất thuộc ngân hàng PVcomBank. Do đó, PVCB Capital luôn nhận được sự hỗ trợ cũng như thừa hưởng nhiều kinh nghiệm và lợi thế của PVcomBank trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và đầu tư. Đến nay, PVCB CAPITAL là một công ty quản lý quỹ hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán với tổng tài sản quản lý đạt hơn 18.000 tỷ đồng, có nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý quỹ trong nước và quỹ nước ngoài.

ĐIỀU 8. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Trụ sở đăng ký: Số 74 Thợ Nhuộm, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 12 ngày 16/06/2020
- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số 510/QĐ-ĐKHĐLK do UBCKNN cấp ngày 01/08/2006
- Điện thoại: 84 24 39411840
- Fax: 84 24 39411847

CHƯƠNG II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 9. MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM tìm kiếm sự kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro và thu nhập của từng loại tài sản theo từng thời kỳ. Danh mục đầu tư của Quỹ tập trung vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán, các loại trái phiếu niêm yết (các loại trái phiếu chính phủ,

trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu niêm yết của doanh nghiệp có uy tín, có xếp hạng tín nhiệm cao…) và các tài sản khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ có thể được thay đổi theo từng thời điểm phụ thuộc vào điều kiện thị trường và quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư, nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 10. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

1. Chiến lược đầu tư

Để đảm bảo mục tiêu xuyên suốt của Quỹ là đảm bảo an toàn vốn nhưng vẫn đem lại lợi suất hấp dẫn cho Nhà Đầu Tư và tăng thanh khoản cho chứng chỉ Quỹ, Quỹ sẽ xây dựng một danh mục kết hợp tối ưu và linh hoạt giữa cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định trên cơ sở đánh giá rủi ro các công cụ nợ đa dạng với tỷ trọng phân bổ linh hoạt tùy thuộc vào điều kiện thị trường và nhận định của công ty quản lý quỹ trong từng thời điểm. Các tài sản đầu tư tập trung chủ yếu vào (1) các cổ phiếu của các doanh nghiệp có vốn hóa lớn, thanh khoản cao trên thị trường chứng khoán , và (2) các công cụ tiền tệ, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết, trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành.

Khi điều kiện thị trường không thuận lợi, để đảm bảo an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư, Quỹ có thể đầu tư tới 100% giá trị tài sản ròng của Quỹ vào tiền gửi có kỳ hạn, tài sản tương đương tiền và các tài sản có thu nhập cố định ít rủi ro.

Khi thị trường cổ phiếu thuận lợi, Quỹ có thể đầu tư một phần của giá trị tài sản ròng của quỹ vào cổ phiếu niêm yết có vốn hóa lớn trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi suất cao hơn cho Nhà Đầu Tư, nhưng vẫn phải đảm bảo các hạn chế của luật chứng khoán liên quan và an toàn vốn cho Nhà Đầu Tư.

2. Danh mục đầu tư của Quỹ

Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM sẽ phân bổ vào các loại tài sản như sau:

a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng;

b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan;

c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

e) Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu 1 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại mục này phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện;
- Có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành.

f) Quyền và tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.

ĐIỀU 11. HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

1. Danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ tại Điều 9 và Điều 10 của Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
2. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

a) Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá 49% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b, Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này;

b) Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

c) Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) của một tổ chức phát hành quy định tại điểm a,b, Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;

d) Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Khoản 2, Điều 10 của Điều lệ này, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.

e) Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e, Khoản 2, Điều 10 của Điều lệ này;

f) Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá 40% tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f Khoản 2, Điều 10, Chương II của Điều lệ này (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ 5% trở lên tổng giá trị tài sản của quỹ;

g) Tại mọi thời điểm, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;

h) Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM;

i) Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:

- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

j) Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;

k) Phải có chứng khoán của ít nhất 06 tổ chức phát hành;

l) Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, công cụ tiền tệ quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 10 điều lệ này mà được phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt bằng văn bản;

3. Trừ trường hợp quy định tại điểm g, h và j Khoản 2 Điều này, cơ cấu đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được phép sai lệch so với các hạn chế quy định nêu trên và chỉ do các nguyên nhân khách quan như sau:

a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;

c) Hoạt động chia, tách hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;

d) Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;

e) Quỹ đang trong thời gian giải thể.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh.
5. Trường hợp sai lệch là do Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện sai lệch và chịu mọi chi phi phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu có). Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

ĐIỀU 12. HOẠT ĐỘNG VAY, CHO VAY VÀ GIAO DỊCH KÝ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Điều lệ này.
2. Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ hoặc thực hiện lệnh thanh toán các giao dịch Chứng chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ, không bao gồm các khoản tạm ứng, các khoản phải trả, không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.
4. Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM được thực hiện giao dịch mua bán lại (repo) trái phiếu Chính phủ theo quy định của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch trái phiếu Chính phủ.

ĐIỀU 13. PHƯƠNG PHÁP LỰA CHỌN ĐẦU TƯ

- Công ty Quản lý Quỹ áp dụng chính sách quản lý chủ động, tích cực, thực hiện quy trình nghiên cứu đánh giá, thẩm định đầu tư trong việc quản lý Quỹ.
- Căn cứ vào các đánh giá, nghiên cứu cơ bản kinh tế vĩ mô, xu hướng lãi suất trong từng giai đoạn, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện chiến lược phân bổ tài sản cho phù hợp với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận với mức rủi ro hợp lý cho danh mục đầu tư.
- Với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với tổ chức phát hành, áp dụng phương pháp tiếp cận "Bottom Up Approach" và "Top-Down approach", các biện pháp bảo đảm trái phiếu, cùng những diễn biến giao dịch của trái phiếu đó (nếu có) trước tác động của khuynh hướng thị trường.

CHƯƠNG III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

ĐIỀU14. NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu Tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước sở hữu Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác với Quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM mà họ sở hữu.
2. Nhà Đầu Tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà Đầu Tư tổ chức sẽ cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Bất kỳ việc đề cử, hủy bỏ hoặc thay thế đại diện này sẽ phải được thông báo cho Đại lý phân phối nơi Nhà Đầu Tư tổ chức mở tài khoản giao dịch và văn bản thông báo phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của Nhà Đầu Tư tổ chức đó.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc, Phó giám đốc, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ được phép giao dịch Chứng chỉ Quỹ và trở thành Nhà Đầu Tư.

ĐIỀU 15. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu Tư có quyền:
   a) Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của Quỹ tương ứng với số lượng Chứng chỉ Quỹ nắm giữ và hưởng lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ;

   b) Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ thay mặt Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ (nếu có);

   c) Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư; tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

   d) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

   e) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ;

   f) Được cử đại diện của mình vào Ban đại diện Quỹ tùy thuộc tỷ lệ góp vốn vào Quỹ;

g) Các quyền khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.

2. Nhà Đầu Tư có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ;

b) Chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;

c) Thanh toán đầy đủ tiền mua Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua Chứng chỉ Quỹ;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều Lệ này.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của Nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc.

4. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

5. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với Nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp

triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

ĐIỀU 16. SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư chính ("Sổ chính") hoặc đại lý ký danh, nếu có, lập và quản lý Sổ Đăng ký Nhà Đầu Tư phụ ("Sổ Phụ") để xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với Chứng chỉ Quỹ. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư có thể là văn bản hoặc tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Đại lý ký danh được mở, quản lý sổ phụ trên cơ sở hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý sổ phụ không được hạch toán vào Quỹ.

2. Sổ Chính, Sổ Phụ sẽ bao gồm các thông tin sau:
   a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ.

   b) Thông tin về Nhà Đầu Tư bao gồm:

   - Đối với Nhà Đầu Tư là cá nhân: Họ và tên của Nhà Đầu Tư, số chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực; địa chỉ liên lạc, số điện thoại và địa chỉ thư điện tử (nếu có);

   - Đối với Nhà Đầu Tư là tổ chức: Tên đầy đủ, tên viết tắt, tên giao dịch, địa chỉ trụ sở chính, số giấy phép thành lập và hoạt động/số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/đăng ký doanh nghiệp; tên đầy đủ, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ, số điện thoại và thư điện tử của người được ủy quyền giao dịch Chứng chỉ Quỹ của tổ chức đó.

   c) Số tài khoản hoặc số tài khoản ký danh và số tiểu khoản của từng Nhà Đầu Tư và mã số đăng ký giao dịch chứng khoán trong trường hợp Nhà Đầu Tư là Nhà Đầu Tư nước ngoài;

   d) Số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, ngày đăng ký sở hữu vào Sổ chính hoặc Sổ phụ.

   e) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư. Quyền sở hữu này được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của Nhà Đầu Tư được cập nhật trong Sổ chính.

ĐIỀU 17. GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ

a) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ và được quy định cụ thể tại Bản cáo bạch nhưng không ít hơn hai lần mỗi tháng.

b) Tần suất giao dịch của Quỹ:

- Chứng chỉ Quỹ được giao dịch 01 lần /tuần vào ngày thứ tư hàng tuần.
- Ngày Giao Dịch sẽ không bao gồm các ngày nghỉ lễ, kể cả ngày nghỉ bù, làm bù theo quy định của pháp luật.
- Việc tăng/giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

c) Lệnh giao dịch phải được gửi tới Đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch hoặc đã công bố tại trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý quỹ.

Lệnh mua/ bán/ chuyển đổi chỉ được thực hiện vào Ngày giao dịch Chứng chỉ quỹ (ngày T) nếu các lệnh này đã được Đại lý phân phối nhận trước Thời điểm đóng sổ lệnh của Ngày giao dịch đó. Các lệnh nhận sau Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ bị hủy.

d) Thời điểm đóng sổ lệnh không muộn quá thời điểm đóng cửa thị trường của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày gần nhất trước Ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ (T-1) và được công bố công khai tại Bản cáo bạch.

e) Nhà Đầu Tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ và cung cấp các thông tin nhận biết Nhà Đầu Tư theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, Đại lý Phân phối đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

f) Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư chỉ được chấp nhận khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Trường hợp nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư qua internet, điện thoại, fax, Đại lý Phân phối phải tuân thủ các quy định pháp luật về giao dịch điện tử và chứng khoán, đồng thời phải bảo đảm:

i. Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư;

ii. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, thì phải xác nhận lại với Nhà Đầu Tư trước khi thực hiện, đồng thời yêu cầu Nhà Đầu Tư cung cấp phiếu lệnh gốc có chữ ký của Nhà Đầu Tư để lưu giữ bằng chứng chứng minh về việc đặt lệnh của Nhà Đầu Tư. Trường hợp đặt lệnh qua điện thoại hoặc fax, Nhà Đầu Tư phải bổ sung phiếu lệnh gốc trong vòng 07 ngày.

2. Lệnh mua chứng chỉ Quỹ

a) Lệnh mua sẽ được chấp nhận để thực hiện khi hồ sơ đăng ký mua được Đại Lý Chuyển Nhượng chấp nhận và Ngân Hàng Giám Sát xác nhận đã nhận được khoản thanh toán đầy đủ.

b) Việc thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ có thể thực hiện bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng hoặc nộp tiền vào tài khoản của Quỹ, đại lý ký danh tại Ngân hàng giám sát. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là Nhà Đầu Tư thì phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản và giá trị thanh toán của Nhà Đầu Tư được hưởng lợi.

c) Giá trị mua chứng chỉ Quỹ lần đầu và các lần tiếp theo không thấp hơn giá trị mua tối thiểu là: 1.000.000 VND (một triệu Việt Nam đồng)

d) Số lượng chứng chỉ Quỹ được phân phối được tính bằng:

Tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ x (1 – Giá dịch vụ phát hành (%))

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch

e) Giá dịch vụ phát hành sẽ được ghi chi tiết trong Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ

f) Số lượng đơn vị Quỹ được phân phối được làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.

g) Xác nhận giao dịch được Đại lý phân phối chuyển tới Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ. Xác nhận giao dịch mua cũng đồng thời là xác nhận quyền sở hữu đối với số lượng Đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư mua được.

h) Các trường hợp lệnh mua không hợp lệ, cách thức giải quyết chênh lệch tiền và quy trình nhận, thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

3. Lệnh bán Chứng chỉ quỹ

a) Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng Chứng chỉ quỹ đăng ký bán được Đại Lý Chuyển Nhượng xác nhận là do Nhà Đầu Tư đó nắm giữ.

b) Số tiền bán chứng chỉ Quỹ được tính bằng:

Số tiền bán chứng chỉ quỹ = Số lượng Chứng chỉ Quỹ được mua lại x Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị quỹ x (1 - Giá dịch vụ mua lại (%))

c) Số tiền Nhà Đầu Tư nhận được sẽ bằng Giá Trị Bán trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).

d) Giá dịch vụ mua lại sẽ được ghi chi tiết trong Điều lệ và Bản cáo Bạch của Quỹ

e) Xác nhận giao dịch: được Đại lý Phân phối chuyển tới Nhà Đầu Tư trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ.

f) Thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ: thời hạn thanh toán trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5). Trong trường hợp quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 18 Điều lệ Quỹ này và Bản cáo bạch và sau khi được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận bằng văn bản, việc thanh toán có thể chậm hơn nhưng không quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ.

g) Số tiền được thanh toán sẽ được thực hiện dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản đứng tên Nhà Đầu Tư đã được đăng ký hoặc các hình thức khác theo yêu cầu bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.

h) Các trường hợp lệnh bán không hợp lệ, cách thức giải quyết và quy trình nhận, thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch.

i) Trong một số trường hợp, công ty Quản lý Quỹ được chuyển giao một phần danh mục đầu tư thay cho việc thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư. Việc chuyển giao danh mục đầu tư phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Chỉ thực hiện khi Công ty Quản lý Quỹ xét thấy là cần thiết để không ảnh hưởng tiêu cực tới giá trị tài sản ròng của Quỹ. Việc thực hiện phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện và phải báo cáo Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất;
- Được Nhà Đầu Tư (bên nhận chuyển giao) chấp thuận bằng văn bản;
- Chỉ thực hiện đối với lệnh bán có tổng giá trị thanh toán vượt quá năm mươi (50) tỷ đồng;
- Cơ cấu danh mục chuyển giao cho Nhà Đầu Tư phải hoàn toàn giống cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ, bảo đảm sự phù hợp về loại tài sản, cơ cấu và tỷ trọng tài sản có trong danh mục đầu tư của Quỹ;
- Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận đảm bảo việc chuyển giao danh mục đầu tư phù hợp với quy định tại khoản này.

4. Lệnh chuyển đổi

- Nhà Đầu Tư có thể thực hiện việc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở khi công ty quản lý có từ hai (02) quỹ mở trở lên.
- Nhà Đầu Tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng Chứng chỉ Quỹ sở hữu.
- Nguyên tắc thực hiện giao dịch chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ mở và thủ tục thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.
- Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tiến hành cập nhật đầy đủ các quy định liên quan đến các thủ tục liên quan cho việc chuyển đổi quỹ và thông tin cụ thể đến Nhà Đầu Tư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối.

5. Giao dịch chuyển nhượng phi thương mại (cho, biếu, tặng, thừa kế...)

- Việc cho, biếu, tặng, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ sẽ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật. Quỹ chỉ chấp nhận người thụ hưởng hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc cho, biếu, tặng, thừa kế… hoặc người thụ hưởng.
- Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM cho một cá nhân/tổ chức khác được thực hiện tại Đại lý phân phối chỉ định.

- Quy trình nhận và thực hiện giao dịch chuyển nhượng phi thương mại được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch của Quỹ.

- Nhà Đầu Tư phải cung cấp đầy đủ các văn bản và tài liệu cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

- Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ chuyển nhượng phi thương mại cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

- Nhà Đầu Tư /người thụ hưởng có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

6. Nhà Đầu Tư có thể tham gia mua Chứng chỉ Quỹ theo chương trình đầu tư định kỳ (sau đây gọi là "SIP"). Theo đó, Nhà Đầu Tư lựa chọn chương trình SIP có thể đầu tư một khoản tiền cố định hàng tháng hoặc hàng quý để mua các Chứng chỉ Quỹ. Cách thức đặt lệnh giao dịch Chứng chỉ Quỹ, khoản đầu tư tối thiểu, ngày thanh toán, thời điểm đóng sổ lệnh, các loại Giá dịch vụ của giao dịch áp dụng đối với chương trình SIP sẽ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.
7. Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch Chứng chỉ Quỹ mở mà Công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo Điều lệ này.

ĐIỀU 18. MUA LẠI MỘT PHẦN, TẠM NGỪNG GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư một trong các trường hợp sau:
   a) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ lớn hơn mười phần trăm (10%) giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

   b) Việc thực hiện toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
      - Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
      - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của Nhà Đầu Tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
      - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
      - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

   c) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của Nhà Đầu Tư không thể thực hiện được do:

- Tính thanh khoản của thị trường thấp;

- Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM bị đình chỉ giao dịch do Quyết định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Trong trường hợp thực hiện lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi chỉ được đáp ứng một phần theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ áp dụng theo nguyên tắc phân phối như sau:

Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các Nhà Đầu Tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.

3. Chứng chỉ Quỹ mở có thể bị tạm dừng giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;

- Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại Chứng chỉ Quỹ mở do Sở Giao dịch Chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

- Các sự kiện khác do UBCKNN xét thấy là cần thiết.

4. Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, UBCKNN trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 3 Điều này và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
5. Thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ là chín mươi (90) ngày, kể từ ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ gần nhất.
6. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tối đa tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định tại khoản 5 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ.
7. Trong thời hạn triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội Nhà Đầu Tư.

ĐIỀU 19. GIÁ PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU, GIÁ PHÁT HÀNH, GIÁ MUA LẠI

1. Giá phát hành lần đầu là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng, được tính bằng mệnh giá của một đơn vị quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành.
2. Giá phát hành các lần tiếp theo là mức giá mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán cho Công Ty Quản Lý Quỹ để mua một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ cộng với Giá dịch vụ phát hành các lần tiếp theo.

3. Giá mua lại là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán để mua lại từ Nhà Đầu Tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ sử dụng tại ngày giao dịch Chứng chỉ Quỹ, trừ đi Giá dịch vụ mua lại.
4. Giá dịch vụ phát hành là số tiền dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải trả khi mua Chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ, và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch.
5. Giá dịch vụ mua lại là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi bán một đơn vị quỹ cho Quỹ và được khấu trừ khi Quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho Nhà Đầu Tư. Giá dịch vụ mua lại được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện được.
6. Giá dịch vụ chuyển đổi là số tiền dịch vụ Nhà Đầu Tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do Công Ty Quản lý Quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được tính trên giá trị giao dịch chứng chỉ quỹ chuyển đổi thực hiện được. Nhà Đầu Tư không phải trả Giá dịch vụ mua lại và Giá dịch vụ phát hành khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của Quỹ và có thể thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị chuyển đổi thực hiện được.
7. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ (SIP): là số tiền dịch vụ áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua các đơn vị quỹ theo Chương trình SIP. Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ.

   Phí phạt khi rời chương trình là số tiền dịch vụ được áp dụng trong trường hợp Nhà Đầu Tư chấm dứt chương trình và bán Chứng chỉ quỹ, hoặc chuyển đổi sang Quỹ khác trong vòng 01 (một) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình. Mức phí phạt sẽ được quy định chi tiết trong Bản cáo bạch của quỹ.

   Giá dịch vụ phát hành khi tham gia chương trình đầu tư định kỳ và phí phạt khi rời khỏi chương trình có thể được thay đổi do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định và công bố bằng văn bản thông báo tại từng thời kỳ, nhưng không vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch khi tham gia chương trình và ba phần trăm (3%) giá trị bán thực hiện khi rời khỏi chương trình.
8. Các loại giá dịch vụ quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này sẽ được công bố cụ thể tại Bản cáo bạch quỹ, Bản cáo bạch tóm tắt, trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại lý phân phối hoặc dưới hình thức khác và được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp các loại giá dịch vụ này cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối theo chỉ thị thanh toán của Công Ty Quản Lý Quỹ. Mức giá trả cho Đại lý phân phối được tính bởi tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan căn cứ trên Hợp đồng Đại lý phân phối được ký giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối.

9. Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá các mức quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều này. Thời điểm áp dụng mức giá mới tăng sớm nhất là sáu mươi (60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

ĐIỀU 20. THỪA KẾ CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Việc thừa kế Chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Tổ chức cung cấp dịch vụ Đại lý chuyển nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc các tổ chức được ủy quyền.

CHƯƠNG IV
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 21. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đại hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM. Tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập. Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được triệu tập họp thường niên hoặc bất thường. Trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp tập trung để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 23 Điều lệ này, việc họp Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp lấy ý kiến bằng văn bản hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban Đại diện Quỹ.
3. Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ đề xuất và được Ban đại diện phê duyệt.

ĐIỀU 22. ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ BẤT THƯỜNG

1. Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường được triệu tập trong những trường hợp sau:
   a) Công Ty Quản Lý Quỹ, hoặc Ngân hàng giám sát, hoặc Ban đại diện Quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;

b) Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư đại diện cho ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành liên tục trong vòng ít nhất sáu (06) tháng liên tục tính tới thời điểm triệu tập đại hội;

2. Việc tổ chức Đại hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội Nhà Đầu Tư, trong đó phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các Nhà Đầu Tư liên quan.
3. Trường hợp Công ty quản lý quỹ không triệu tập Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại Khoản 2 điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 23. QUYỀN VÀ NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ;
2. Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ, phương án phân phối lợi tức; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;
3. Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ;
4. Quyết định tạm dừng giao dịch Chứng chỉ Quỹ; tách quỹ;
5. Giải thể quỹ;
6. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và thành viên của Ban đại diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
7. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ;
8. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà Đầu Tư;
9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

ĐIỀU 24. ĐIỀU KIỆN, THỂ THỨC TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Chương trình, nội dung dự kiến và các tài liệu liên quan của Đại hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
2. Cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham dự và biểu quyết tại Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền trong trường hợp sau đây:
   - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một người khác hoặc ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; tham dự họp trực tuyến thông qua điện thoại, Internet hoặc các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
4. Đại hội Nhà Đầu Tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp buộc phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 Điều lệ này.
5. Đại hội Nhà Đầu Tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên ban đại diện quỹ còn lại bầu một người trong số họ chủ trì đại hội; trường hợp không có người có thể làm chủ trì thì bất kỳ người nào khác do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra sẽ chủ trì đại hội.
6. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu Tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ.

ĐIỀU 25. QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà Đầu Tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức biểu quyết khác phù hợp với quy định hiện hành.
3. Trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này, quyết định tại cuộc họp của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.
5. Quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:

a) Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát; thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng giám sát;

b) Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất, giải thể quỹ; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ.

Quyết định các nội dung này tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.

6. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ. Trường hợp quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ thì phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.
7. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội Nhà Đầu Tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và Nghị quyết Đại hội Nhà Đầu Tư gửi cho Ngân hàng giám sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư hoặc công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

ĐIỀU 26. PHẢN ĐỐI QUYẾT ĐỊNH CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội Nhà Đầu Tư về việc một số các nội dung quy định tại khoản 2 và 3 Điều 23 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ mở khác của Công Ty Quản Lý Quỹ mà có cùng chính sách đầu tư. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ có cùng chính sách đầu tư do công ty quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý ký danh trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
2. Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng xác định tại ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

CHƯƠNG V
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

ĐIỀU 27. BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM do Đại hội Nhà Đầu Tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ: thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

2. Ban Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên, trong đó có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này.

3. Trong Ban Đại diện Quỹ phải có:
   a) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
   b) Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
   c) Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật và các quy định trong lĩnh vực chứng khoán.
4. Ban Đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban đại diện, thành viên Ban đại diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ này, hoặc trường hợp cơ cấu Ban đại diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban đại diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách

nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều này để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện Quỹ cho đến khi Đại hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo cho UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
8. Các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được hưởng thù lao và được thanh toán các chi phí và phí tổn hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban Đại diện Quỹ hoặc các chi phí và phí tổn hợp lý khác vì mục đích công việc của Quỹ. Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban đại diện Quỹ.

   Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân của Chủ tịch và thành viên Ban đại diện theo quy định của pháp luật hiện hành.
9. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

   a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

   b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng;

ĐIỀU 28. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
   a) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
   b) Không bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
   c) Có chuyên môn trong lĩnh vực tài chính hoặc ngân hàng hoặc bảo hiểm hoặc chứng khoán hoặc kế toán hoặc kiểm toán hoặc luật hoặc tốt nghiệp một trường đại học với chuyên ngành thuộc một trong các lĩnh vực vừa nêu.
2. Trong trường hợp người được đại diện theo uỷ quyền của Nhà Đầu Tư tổ chức là thành viên Ban đại diện quỹ, việc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đó của Nhà Đầu Tư tổ chức là sự kiện để chấm dứt tư cách thành viên của Ban đại diện Quỹ đối với người bị thay đổi. Người được cử làm đại diện theo uỷ quyền mới của Nhà Đầu Tư tổ chức nêu trên không đương nhiên trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ mà chỉ trở thành thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được Đại hội Nhà Đầu Tư bầu theo quy định tại Điều lệ này.

ĐIỀU 29. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của quỹ và Nhà Đầu Tư.
2. Phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá, nguyên tắc và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng; phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng nhận tiền gửi của quỹ, công cụ tiền tệ và các tài sản mà quỹ được phép đầu tư theo quy định tại điểm a, b, e khoản 2 Điều 10 Điều lệ này;

chấp thuận các giao dịch tài sản của quỹ theo thẩm quyền đối với các giao dịch theo phương thức thỏa thuận, các giao dịch mua, bán chứng khoán chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch.

3. Quyết định mức lợi nhuận phân phối dựa trên đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận, hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
4. Ngoại trừ vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 23 Điều lệ này, Ban đại diện được quyết định tất cả các vấn đề quy định tại Điều 23 Điều lệ này nếu được Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất ủy quyền.
5. Có quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Ban đại diện Quỹ quyết định các vấn đề quy định tại khoản 4 Điều này, Ban Đại diện Quỹ, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ, gửi Ngân hàng Giám sát biên bản họp và Nghị quyết của Ban Đại diện Quỹ, đồng thời thực hiện công bố thông tin theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Khi thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình, Ban đại diện Quỹ tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp quyết định do Ban đại diện Quỹ thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ gây thiệt hại cho Quỹ thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho quỹ; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.
8. Ban đại diện Quỹ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đối với người nội bộ và người có liên quan với người nội bộ của quỹ đại chúng.

ĐIỀU 30. CHỦ TỊCH BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Đại hội Nhà Đầu Tư bầu Chủ tịch Ban đại diện Quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
   a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
   b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện Quỹ;
   c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết địnhcủa Ban đại diện quỹ;
   d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

ĐIỀU 31. THỦ TỤC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện Quỹ vắng mặt thì thành viên Ban đại diện Quỹ được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

ĐIỀU 32. ĐÌNH CHỈ VÀ BÃI MIỄN THÀNH VIÊN BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong một trong những trường hợp sau:

a) Bãi miễn theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;

b) Hết nhiệm kỳ hoặc từ chức;

c) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, tiết lộ thông tin bảo mật hoặc không tham gia vào các hoạt động của Ban đại diện Quỹ trong hai (02) kỳ họp Ban đại diện Quỹ liên tục mà không có lý do thỏa đáng;

d) Không đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, Điều 28 của Điều lệ này, chết hoặc mất toàn bộ hoặc một phần năng lực hành vi dân sự, hoặc bất kỳ lý do nào khác theo quy định của pháp luật để thực hiện vai trò thành viên Ban đại diện Quỹ; hoặc

e) Bị buộc tội hoặc truy tố hoặc bất kỳ lý do nào khác có thể gây tổn hại đến uy tín của Ban đại diện Quỹ.

ĐIỀU 33. CUỘC HỌP BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

1. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện Quỹ. Ban đại diện Quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ có thể họp trực tiếp, họp thông qua điện thoại, internet và các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
4. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Thành viên có thể có mặt trực tiếp hoặc họp thông qua hình thức điện thoại hội nghị hoặc bất kỳ phương thức liên lạc đáng tin cậy nào khác. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập dự họp thông qua.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện Quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
6. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công Ty Quản Lý Quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
7. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.

Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

CHƯƠNG VI
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

ĐIỀU 34. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.

b) Không phải là người có liên quan của Ngân hàng giám sát.

c) Có đầy đủ cơ sở vật chất và nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ mở.

d) Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 35. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có các nghĩa vụ sau:

a) Luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng nhân sự, tổ chức và Ban lãnh đạo có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật hiện hành và thông lệ quốc tế tốt nhất. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba tuân thủ Pháp Luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

b) Tuân thủ các quy định bảo đảm vốn khả dụng theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Thực hiện hoạt động quản lý quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán, Điều lệ quỹ và hợp đồng ký với Ngân hàng giám sát;

d) Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ như được nêu tại Phụ lục 1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ Pháp Luật và Điều Lệ này;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công Ty Quản Lý Quỹ có các quyền sau:

a) Được hưởng các khoản Giá dịch vụ quản lý quỹ như quy định tại Điều Lệ này phù hợp với quy định pháp luật;

b) Quản lý các quỹ khác trong và/hoặc ngoài Việt Nam và tiến hành các hoạt động kinh doanh khác được Pháp Luật cho phép miễn là Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo có đủ nguồn lực để quản lý hiệu quả các hoạt động đầu tư của Quỹ;

c) Tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư và các cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ;

d) Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ để Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chọn;

Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều Lệ này, Bản Cáo Bạch của Quỹ và pháp luật;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 36. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

a) Theo đề nghị của Ban đại diện Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận;

b) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Sáp nhập hoặc hợp nhất với một công ty quản lý quỹ khác;

d) Quỹ hết thời gian hoạt động;

2. Trong trường hợp quy định tại khoản a, b, c Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công Ty Quản Lý Quỹ phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản pháp lý khác có liên quan.

3. Trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ tối thiểu sáu (06) tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với quỹ. Sau khi được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện các thủ tục báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

4. Chi phí bồi thường khi thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ:

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này, Quỹ sẽ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ một khoản chi phí bồi thường (ngoài các khoản giá dịch vụ đã được quy định tại Điều lệ này) theo tỷ lệ như sau:

Chi phí bồi thường	Thời điểm thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ
3% NAV	Trong vòng 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

1,5% NAV	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

NAV được sử dụng để tính chi phí bồi thường cho Công Ty Quản Lý Quỹ là NAV bình quân của NAV theo báo cáo NAV của 52 tuần liền trước thời điểm Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ được Ngân hàng Giám sát xác nhận.

ĐIỀU 37. HẠN CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân hàng giám sát. Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, chủ tịch HĐQT, ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
2. Trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư quyết định khác Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ mở mà công ty đang quản lý với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các Nhà Đầu Tư khác theo quy định tại Điều lệ này.
3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, liên kết, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát, ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được mua hoặc bán các tài sản trong danh mục tài sản của quỹ mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
   a) Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán;
   b) Trường hợp là giao dịch thỏa thuận hoặc tài sản giao dịch không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên các Sở Giao dịch Chứng khoán thì phải có sự chấp thuận bằng văn bản của Ban Đại diện Quỹ cho phép thực hiện giao dịch. Ý kiến phải thể hiện việc chấp thuận về loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
4. Thành viên ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ, phí và mức giá dịch vụ đã được quy định rõ tại Điều lệ Quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ bảo đảm:
   a) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
   b) Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các khách hàng ủy thác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;
   c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;

d) Không được sử dụng tài sản của quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác;

e) Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

f) Không được cam kết, bảo đảm kết quả đầu tư trừ trường hợp đầu tư vào những sản phẩm có thu nhập cố định, không được ký các hợp đồng nhận ủy thác đầu tư vào trái phiếu với lãi suất không phù hợp với thực tế thị trường và kết quả phân tích đầu tư của chính công ty; trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của khách hàng ủy thác do hoạt động đầu tư; không được thực hiện các giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của một khách hàng ủy thác để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi một cách bất hợp lý, không có lý do chính đáng.

6. Trừ trường hợp là kết quả hợp nhất, sáp nhập của các tổ chức phát hành, Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được sử dụng vốn chủ sở hữu và vốn của các khách hàng ủy thác để mua và sở hữu (không tính số cổ phiếu trong danh mục của khách hàng ủy thác là quỹ hoán đổi danh mục) trên hai mươi lăm phần trăm (25%) tổng số cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đại chúng khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Được sự chấp thuận bằng văn bản của các khách hàng ủy thác hoặc đại diện khách hành ủy thác về việc chào mua công khai, mức giá chào mua, khối lượng tài sản dự kiến chào mua, phương thức phân phối tài sản sau khi thực hiện chào mua;

b) Công quản lý quỹ thực hiện chào mua công khai theo quy định chào mua công khai của pháp luật về chứng khoán.

7. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.
8. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

ĐIỀU 38. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Ngân hàng Giám sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Chứng khoán;
2. Không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ;

3. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

ĐIỀU 39. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát:
   a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư quỹ;
   b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
   c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ;
   d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
   e) Quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một công ty quản lý, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát và những tài sản của Ngân hàng Giám sát. Trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
   f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
   g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
   h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân hàng Giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN;
   i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ;
   j) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ;
   k) Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ Quỹ;

l) Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện;

m) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;

n) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;

o) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ, phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

2. Quyền của Ngân hàng Giám sát

a) Ngân hàng Giám sát được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật;

b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà Đầu Tư và của Ban đại diện Quỹ.

c) Được quyền yêu cầu Công ty Quản lý Quỹ cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của Quỹ để đảm bảo rằng Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ theo các quy định của Hợp đồng Giám sát, Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

ĐIỀU 40. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; kiểm tra, giám sát việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này;

b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ, bao gồm cả các tài sản không phải là chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; kiểm tra, giám sát các giao dịch tài sản giữa Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan. Trong trường hợp phát hiện vi phạm các quy định của pháp luật, Ngân hàng giám sát phải báo cáo ngay cho Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu thực hiện sửa lỗi hoặc thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả của các hành vi vi phạm này trong thời hạn quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện và thẩm định kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của Quỹ các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e) Kiểm tra, giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của Quỹ theo đúng quy định tại Điều 98 Luật Chứng khoán và Điều lệ này.

2. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian mười (10) năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân hàng giám sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước.
3. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
4. Ngân hàng Giám sát có quyền kiểm tra Công Ty Quản Lý Quỹ, rà soát, thẩm định năng lực hệ thống máy tính, phần mềm máy tính, yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các quy trình quản lý tài sản, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, sổ tay định giá, quy trình nhận và thực hiện lệnh của Nhà Đầu Tư và các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động quản lý tài sản của quỹ, để Ngân hàng Giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật.
5. Ngân hàng Giám sát được sử dụng các dịch vụ cung cấp bởi công ty kiểm toán và các tổ chức khác để thực hiện quy định tại khoản 4 Điều này. Ngân hàng Giám sát, các tổ chức, cá nhân thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ theo yêu cầu của Ngân hàng Giám sát, có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi thông tin của Công Ty Quản Lý Quỹ, Quỹ và Nhà Đầu Tư. Biên bản kiểm tra có xác nhận bởi các bên liên quan và các tài liệu đính kèm phải được cung cấp cho Ban Đại diện Quỹ, UBCKNN nếu có yêu cầu bằng văn bản.
6. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròngcủa Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định của pháp luật.
7. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không thực hiện các hoạt động nhằm khôi phục vị thế Quỹ trong thời gian quy định tại Thông tư hướng dẫn việc thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ do Bộ Tài chính ban hành, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm báo cáo UBCKNN trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày Ngân hàng Giám sát gửi thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ. Trong trường hợp này, Ngân hàng Giám sát có quyền chỉ thực hiện các lệnh, chỉ thị

giao dịch hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ mà không dẫn tới cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ vi phạm các quy định của pháp luật và các quy định khác tại điều lệ quỹ.

8. Trường hợp Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Ngân hàng Giám sát phải phối hợp với Công ty Quản lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ. Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm liên đới và phải đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư và Quỹ trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân hàng Giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của Quỹ, xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với Quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo thỏa thuận dân sự giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
9. Cơ chế phối hợp giữa Ngân hàng giám sát và Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc rà soát hoạt động của Đại lý chuyển nhượng thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên, trong đó bảo đảm trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 41. CHẤM DỨT QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ ĐỐI VỚI QUỸ CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

1. Ngân hàng Giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Ngân hàng Giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;

   Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và đã được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.;

   b) Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
   c) Theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư của Quỹ;
   d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này (ngoại trừ điểm c khoản 1 Điều này), quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân hàng Giám sát được chuyển giao cho một Ngân hàng Giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VIII
CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

ĐIỀU 42. CÁC HOẠT ĐỘNG ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư như sau:
   a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;

b) Lập báo cáo tài chính Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ;

c) Xác định Giá trị Tài sản Ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ Quỹ;

d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty Quản lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân hàng Giám sát, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng như sau:

a) Lập và quản lý sổ chính; mở, theo dõi và quản lý hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, tài khoản ký danh; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;

b) Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;

c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của Nhà Đầu Tư;

d) Tổ chức các cuộc họp ban đại diện quỹ, đại hội Nhà Đầu Tư của quỹ; Duy trì kênh liên lạc với Nhà Đầu Tư, Đại lý Phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;

Cung cấp cho Nhà Đầu Tư báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác;

e) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

ĐIỀU 43. TIÊU CHÍ LỰA CHỌN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1. Tiêu chí chung

a) Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật;

c) Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.

2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ liên quan. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ đối với mỗi dịch vụ có liên quan cụ thể.

ĐIỀU 44. TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền: Tổ chức nhận ủy quyền phải thực hiện các công việc theo đúng ủy quyền đã giao phù hợp với các quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm trên các công việc mà mình làm.
2. Bộ phận cung cấp dịch vụ của bên nhận ủy quyền phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo; toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu phải được quản lý độc lập với các bộ phận khác của bên nhận ủy quyền.
3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu: Các chứng từ, sổ sách liên quan đến các dịch vụ được ủy quyền thực hiện phải được tổ chức nhận ủy quyền lưu trữ trong thời hạn quy định của pháp luật. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ;
5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

ĐIỀU 45. TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐÃ ỦY QUYỀN

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ;
2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ với bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định năng lực, cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin của bên nhận ủy quyền, bảo đảm bên nhận ủy quyền có quy trình nghiệp vụ, đủ năng lực về nhân sự và hệ thống để thực hiện các hoạt động được ủy quyền, bao gồm hệ thống kiểm soát nội bộ, trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, hệ thống dự phòng thảm họa, hệ thống dự phòng nóng, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn;
3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát thường xuyên bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp của bên nhận ủy quyền, phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ;
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này;
5. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;
6. Xây dựng quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

7. Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư;
8. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;
9. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền;

ĐIỀU 46. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

1. Bên nhận ủy quyền chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ đã được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
   a) Bên nhận ủy quyền đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình;
   b) Bên nhận ủy quyền chấm dứt hoạt động, bị giải thể, phá sản;
   c) Theo đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;
   d) Theo đề nghị của Đại hội Nhà Đầu Tư;
   e) Quỹ bị giải thể;
   f) Quỹ sáp nhập, hợp nhất vào một quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư;
   g) Bên nhận ủy quyền bị thu hồi Giấy phép về lĩnh vực thực hiện;
   h) Bên nhận ủy quyền hợp nhất hoặc bị sáp nhập bởi Tổ chức khác.
2. Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Bên nhận ủy quyền chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Bên nhận ủy quyền nhận bàn giao hoặc với Công Ty Quản Lý Quỹ. Bên nhận ủy quyền nhận bàn giao phải lập biên bản bàn giao giữa hai Tổ chức có xác nhận của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG IX
ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

ĐIỀU 47. ĐIỀU KIỆN LỰA CHỌN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

1. Là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, ngân hàng lưu ký, ngân hàng thương mại, doanh nghiệp bảo hiểm và tổ chức kinh tế khác đã có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ đại chúng, ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với Công Ty Quản lý Quỹ;
2. Công Ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra,

giám sát bảo đảm hoạt động của Đại lý Phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại Hợp đồng phân phối.

ĐIỀU 48. HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

1. Hoạt động của đại lý phân phối bao gồm:

   a) Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và đấu tranh chống tài trợ khủng bố;

   b) Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại lý phân phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư; Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định của pháp luật điều chỉnh. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ Nhà Đầu Tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác thì tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

   c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sổ chính, xác nhận quyền sở hữu đơn vị quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật;

   d) Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ;

   e) Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan tổ chức họp Đại hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư;

   f) Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và UBCKNN theo yêu cầu của các tổ chức này.

2. Đại lý phân phối không phải là tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm, ngân hàng thương mại thì không được:

   a) Làm đại lý ký danh;

   b) Đồng thời làm đại lý phân phối cho Công Ty Quản Lý Quỹ khác nếu không được chấp thuận bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ mà mình đang làm Đại lý phân phối.

3. Đại lý ký danh được thực hiện các hoạt động theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 49. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ NGHIỆP VỤ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối phải tự nguyện, công bằng, trung thực đối với Nhà Đầu Tư, cung cấp đầy đủ, kịp thời mọi thông tin chính xác để Nhà Đầu Tư tự đưa ra quyết định đầu tư. Các thông tin, dữ liệu, dự báo kinh tế cung cấp cho Nhà Đầu Tư phải dựa trên những sự kiện có thực và kèm theo các tài liệu dẫn chiếu do các tổ chức kinh tế tài chính chuyên nghiệp phát hành và đã được công bố công khai. Nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ không được cung cấp các thông tin chưa được kiểm chứng, tin đồn, thông tin sai lệch cho Nhà Đầu Tư.
2. Nhân viên phân phối chỉ chào bán Chứng chỉ Quỹ sau khi Nhà Đầu Tư đã được cung cấp đầy đủ điều lệ quỹ, bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt, hợp đồng dẫn chiếu trong bản cáo bạch, các báo cáo mới nhất về hoạt động của Quỹ. Nhân viên phân phối phải giải thích cho Nhà Đầu Tư hiểu được các nội dung tại Điều lệ Quỹ và Bản Cáo Bạch của Quỹ, đặc biệt là mục tiêu và chính sách đầu tư của Quỹ, chiến lược đầu tư của Quỹ để đạt được mục tiêu đầu tư, đặc tính về lợi nhuận và rủi ro, thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác.
3. Nhân viên phân phối phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời cho Nhà Đầu Tư mọi thông tin về kết quả hoạt động của Quỹ với hàm ý các kết quả hoạt động trước đó chỉ mang tính tham khảo và có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường.
4. Nhân viên phân phối không được cung cấp thông tin sai sự thật, khuyếch đại sự thật, dễ gây hiểu nhầm, cung cấp không đầy đủ thông tin, đưa ra các dự báo để dụ dỗ hay mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, không gây hiểu nhầm về các đặc tính lợi nhuận và rủi ro của Chứng chỉ Quỹ đó. Khi so sánh với các sản phẩm quỹ mở khác, phải chỉ rõ những khác biệt giữa các quỹ để Nhà Đầu Tư lựa chọn. Không được trực tiếp, gián tiếp thực hiện các hành vi nhằm lôi kéo, xúi giục Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ có mức độ rủi ro cao trong trường hợp Nhà Đầu Tư chưa hiểu hết về các rủi ro tiềm ẩn khi đầu tư vào quỹ, hoặc các quỹ đó không phù hợp với mục tiêu đầu tư và năng lực tài chính của Nhà Đầu Tư.
5. Đại lý phân phối, nhân viên phân phối có trách nhiệm bảo mật các thông tin về Nhà Đầu Tư, thông tin về giao dịch của Nhà Đầu Tư, không được sử dụng các thông tin đó với bất kỳ mục đích gì, trừ trường hợp được Nhà Đầu Tư đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
6. Đại lý phân phối không được chiết khấu, giảm giá giao dịch Chứng chỉ Quỹ dưới bất kỳ hình thức nào; không được tặng quà, sử dụng lợi ích vật chất hay tài chính dưới mọi hình thức để mời chào, dụ dỗ Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ; không được yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa tổ chức, từ Công Ty Quản Lý Quỹ bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận, lợi ích nào để mời chào Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ, ngoài các mức giá dịch vụ, phí đã được công bố tại các bản cáo bạch và tại các hợp đồng phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
7. Đại lý phân phối không được phân phối Chứng chỉ Quỹ tại các địa điểm kinh doanh chưa đăng ký hoạt động hoặc được cấp phép hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc chưa thông báo

với UBCKNN. Đại lý phân phối phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về hoạt động của các địa điểm phân phối Chứng chỉ Quỹ, nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ khi phân phối Chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.

8. Công Ty Quản Lý Quỹ, đại lý phân phối hàng năm phải tổ chức đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ nhân viên phân phối Chứng chỉ Quỹ. Thông tin về hoạt động đào tạo trong năm của Công Ty Quản Lý Quỹ và Đại lý phân phối phải được gửi kèm trong báo cáo hoạt động hàng năm của Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG X

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

ĐIỀU 50. TIÊU CHUẨN LỰA CHỌN VÀ THAY ĐỔI CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ theo quy định tại Điều lệ này, Ban đại diện Quỹ thực hiện chọn công ty kiểm toán để tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp;

b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán;

c) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư;

d) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng giám sát.

ĐIỀU 51. NĂM TÀI CHÍNH

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

ĐIỀU 52. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

ĐIỀU53. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.

ĐIỀU 54. BÁO CÁO KHÁC

Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG XI
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

ĐIỀU 55. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trên cơ sở giá thị trường, hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ.
2. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc do Tổ chức được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện và phải có xác nhận của Ngân hàng Giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
3. Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
4. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.

5. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
6. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho Nhà Đầu Tư sau khi có xác nhận của Ngân hàng Giám sát và có giá trị cho đến khi có thông báo mới.

ĐIỀU 56. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

1. Phương pháp xác định Giá trị Tài sản Ròng phải tuân thủ pháp luật Việt Nam và được quy định cụ thể tại Phụ lục 4.
2. Giá trị Tài sản ròng của Quỹ (NAV của Quỹ) được xác định bằng Tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi các khoản nợ phải trả của Quỹ bao gồm các khoản nợ, các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, hoặc giá thị trường có nhiều biến động theo quy định nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng giá trị hợp lý xác định theo nguyên tắc, phương pháp quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo quy định của pháp luật.
3. Giá trị Tài sản ròng của một Đơn Vị Quỹ (NAV của một Đơn Vị Quỹ) bằng Giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị quỹ được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
4. Chính sách định giá các tài sản của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Sổ tay định giá do Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng phù hợp với Điều lệ Quỹ và các quy định có liên quan và đồng thời được Ban Đại diện Quỹ thông qua.

ĐIỀU 57. QUY TRÌNH ĐỊNH GIÁ TÀI SẢN QUỸ

Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc tổ chức cung cấp cung cấp dịch vụ có liên quan xác định Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng trên một Đơn Vị Quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại Điều 56.

Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ uỷ quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ thực hiện việc xác định Giá trị tài sản ròng thì Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát đảm bảo hoạt động xác định Giá trị Tài sản ròng là phù hợp với các quy định của pháp luật và Giá trị Tài sản ròng được tính chính xác.

Ngân hàng Giám sát xác nhận Giá trị tài sản ròng của Quỹ và Giá trị Tài sản ròng của một Đơn Vị Quỹ. Việc xác nhận giá trị phải được thực hiện bằng văn bản hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát. Trường hợp bị định giá sai bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát có trách nhiệm thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ điều chỉnh kịp thời Giá trị Tài sản ròng của Quỹ trong vòng hai mươi bốn (24) giờ.

ĐIỀU 58. ĐỀN BÙ THIỆT HẠI CHO NHÀ ĐẦU TƯ, QUỸ

1. Quỹ, Nhà Đầu Tư được đền bù thiệt hại trong trường hợp giá trị tài sản ròng của quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt từ 1,00% Giá trị tài sản ròng trở lên.

   Trường hợp giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bị định giá sai với mức độ sai sót đạt tới các mức quy định trên, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng phương án khắc phục, đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư theo trình tự sau:

   - Xác định lại giá trị tài sản ròng tại các ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trong thời gian kể từ khi mức độ sai sót là lớn cho tới khi mức độ sai sót không vượt quá các mức quy định tại Điều này (gọi tắt là thời gian quỹ bị định giá sai);

   - Xác định các khoản đền bù cho quỹ và các khoản đền bù cho Nhà Đầu Tư chịu thiệt hại từ việc định giá sai tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, hoặc quỹ có thể không phải đền bù cho những Nhà Đầu Tư chịu thiệt hại ít hơn một trăm ngàn (100.000) đồng hoặc một giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại điều lệ quỹ, nhưng toàn bộ phần thanh toán của công ty quản lý quỹ phải được đưa vào quỹ, trừ trường hợp đại hội Nhà Đầu Tư hoặc ban đại diện quỹ quyết định khác;

   - Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày điều chỉnh lại giá trị tài sản ròng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phương án đền bù thiệt hại cho quỹ, Nhà Đầu Tư trong đó nêu rõ nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian quỹ bị định giá sai, mức độ thiệt hại của quỹ, mức độ thiệt hại của các Nhà Đầu Tư, kèm theo danh sách các Nhà Đầu Tư có quyền lợi bị ảnh hưởng đã được đền bù và mức đền bù của từng Nhà Đầu Tư. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ phải tiến hành các thủ tục đền bù cho quỹ và Nhà Đầu Tư chịu thiệt hại với các mức thanh toán theo quy định tại khoản 2, 3 Điều này.

2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và đã bán Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã bán. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ;

   b) Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện vẫn còn đang lưu hành. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:

   a) Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và

số lượng đơn vị quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai. Chi phí đền bù cho Nhà Đầu Tư được hạch toán vào Quỹ;

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó. Chi phí đền bù cho Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ.

ĐIỀU 59. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ LỰA CHỌN, THAY ĐỔI TỔ CHỨC CUNG CẤP BÁO GIÁ

1. Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:
   a) Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
   b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
   c) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát.
2. Tiêu chí thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:
   a) Công ty chứng khoán đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
   b) Công ty chứng khoán đang báo giá trở thành là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân hàng Giám sát;
   c) Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

CHƯƠNG XII
LỢI NHUẬN VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ

ĐIỀU 60. THU NHẬP CỦA QUỸ

Quỹ có những khoản thu nhập sau:

1. Lãi trái phiếu;
2. Lãi tiền gửi;
3. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư của Quỹ; và
4. Các khoản thu nhập khác.

ĐIỀU 61. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

1. Công ty quản lý quỹ được phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại bản cáo bạch. Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại hoặc từ thu nhập của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận khi Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ

thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định; ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn. Lịch trình và kế hoạch thực hiện phải được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

2. Hình thức phân chia lợi nhuận bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ. Việc phân chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ phải được sự chấp nhận trước Đại hội Nhà Đầu Tư hoặc được sự chấp nhận của Ban Đại diện Quỹ (nếu Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền cho Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với quy định tại Điều lệ Quỹ).
3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho Nhà Đầu Tư.
4. Sau khi phân chia lợi nhuận, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi cho Nhà Đầu Tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
   a) Phương pháp phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng đơn vị quỹ);
   b) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận;
   c) Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng đơn vị quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng đơn vị quỹ);
   d) Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận;
   e) Các ảnh hưởng tác động đến giá trị tài sản ròng của Quỹ.
5. Cổ tức Quỹ được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng đơn vị Quỹ. Chỉ những Nhà Đầu Tư được ghi trong danh sách Nhà Đầu Tư tại ngày chốt quyền mới được nhận cổ tức. Trường hợp Nhà Đầu Tư đã chuyển nhượng số Đơn vị Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Nhà Đầu Tư và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.

ĐIỀU 62. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Giá dịch vụ Quản Lý Quỹ
   a) Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ Quản lý Quỹ được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá dịch vụ quản lý Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM là theo 1,3% NAV/năm (*một phẩy ba phần trăm Giá trị tài sản ròng của Quỹ trên năm*). Giá dịch vụ Quản lý Quỹ có thể tăng khi được Đại hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua.

      Tổng Giá dịch vụ quản lý quỹ và các chi phí khác mà Quỹ chi trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.
   b) Số tiền dịch vụ phải trả hàng tháng là tổng số tiền dịch vụ được tính và trích lập cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
   c) Công thức tính Giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

*Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = 1,3% * Giá trị Tài sản ròng tại Ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác).*

2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ tại ngày định giá. Mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ lưu ký, giám sát = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác)*

Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

Mức Giá dịch vụ lưu ký và giám sát sẽ nằm trong khung quy định (nếu có) của pháp luật hiện hành.

Mức giá trên không bao gồm các phí/ giá dịch vụ thông thường khác như giá dịch vụ Ngân hàng lưu ký phải trả cho bên thứ ba như Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, giá dịch vụ giao dịch chứng khoán, phí/giá sửa lệnh...

3. Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được thanh toán hàng tháng cho Tổ chức cung cấp dịch vụ để thực hiện dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính vào mỗi kỳ định giá dựa trên Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá.

Mức giá dịch vụ quản trị Quỹ được quy định chi tiết tại phụ lục 5 đính kèm.

Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính theo công thức như sau:

*Giá dịch vụ quản trị quỹ = Mức giá áp dụng * Giá trị Tài sản Ròng tại ngày định giá * Số ngày thực tế trong kỳ định giá / Số ngày thực tế trong năm (365 ngày hoặc số ngày thực tế khác)*

Mức giá tối thiểu trong tháng sẽ được áp dụng cho quỹ nếu mức giá phải trả theo giá trị tài sản ròng trong tháng ít hơn mức giá tối thiểu đã thống nhất.

4. Giá dịch vụ Đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan chi tiết tại phụ lục đính kèm.

Trong mọi trường hợp, giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ không vượt quá 2%/NAV của quỹ/năm theo quy định của pháp luật.

5. Giá dịch vụ kiểm toán

Giá dịch vụ kiểm toán phụ thuộc vào kết quả lựa chọn và thương lượng với công ty kiểm toán và sẽ được xác định hàng năm vào cuối năm tài chính của Quỹ.

6. Chi phí Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí này bao gồm các chi phí phát sinh từ hoạt động của Ban Đại diện Quỹ phục vụ cho lợi ích của Quỹ, bao gồm chi phí ăn ở, đi lại với mức hợp lý và phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ, không bao gồm các chi phí bảo hiểm đối với trách nhiệm phát sinh cho Ban Đại diện Quỹ khi thực hiện nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ và tổng mức thù lao không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại Diện được thông qua tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.

7. Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho Công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba (chi phí ngầm).
8. Chi phí in ấn dự thảo và gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư, chi phí công bố thông tin của Quỹ theo quy định Pháp Luật.

   Chi phí phát sinh cho bất kỳ cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và Ban đại diện Quỹ.
9. Giá dịch vụ định giá độc lập cho các khoản đầu tư cụ thể của Quỹ (chỉ khi cần thiết), ví dụ như định giá các khoản chứng khoán chưa niêm yết.
10. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ pháp lý khác.
11. Các chi phí liên quan khác:
    a) Lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chỉ Quỹ và lệ phí xin giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ nộp cho cơ quan nhà nước;
    b) Chi phí pháp lý liên quan đến hoạt động và các giao dịch của Quỹ và các loại phí/chi phí khác được pháp luật cho phép;
    c) Thuế và các loại giá dịch vụ bắt buộc của Chính phủ áp dụng cho Quỹ; và
    d) Các chi phí khác được pháp luật cho phép.

CHƯƠNG XIII
TÁI CƠ CẤU QUỸ

ĐIỀU 63. CÁC HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT, SÁP NHẬP

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 64. CÁC HOẠT ĐỘNG TÁCH QUỸ

1. Việc tách quỹ phải được Đại hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và trong các trường hợp sau:
   a) Công Ty Quản Lý Quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ mở vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ mở do Sở giao dịch chứng khoán quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ;

b) Các sự kiện khác mà UBCKNN xét thấy là cần thiết.

2. Việc tách quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

ĐIỀU 65. CÁC ĐIỀU KIỆN GIẢI THỂ QUỸ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:

   a) Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

   b) Công Ty Quản Lý Quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công Ty Quản Lý Quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công Ty Quản Lý Quỹ;

   c) Ngân hàng Giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng Giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;

   d) Ngân hàng Giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng Giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng Giám sát;

   e) Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ liên tục trong sáu (06) tháng;

   f) Giải thể quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư.

2. Việc giải thể Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

ĐIỀU 66. KIỂM SOÁT XUNG ĐỘT LỢI ÍCH GIỮA QUỸ VÀ CÁC QUỸ KHÁC, CÁC KHÁCH HÀNG ĐẦU TƯ ỦY THÁC CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ GIỮA QUỸ VÀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:

   a) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý;

   b) Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của Nhà Đầu Tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT Công Ty Quản Lý Quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

CHƯƠNG XV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

ĐIỀU 67. CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Bản cáo bạch, bản cáo bạch tóm tắt; báo cáo tài chính đã kiểm toán; báo cáo tài chính bán niên; báo cáo hoạt động của Quỹ hàng tháng, bán niên, hàng năm sẽ được cung cấp miễn phí cho Nhà Đầu Tư trên trang thông tin điện tử (website) của Công Ty Quản Lý Quỹ và hệ thống đại lý phân phối, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho Nhà Đầu Tư.
4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
5. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

ĐIỀU 68. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

1. Điều lệ này sẽ được sửa đổi và bổ sung nếu được thông qua bằng Nghị Quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của Điều lệ.
2. Quy định tại Khoản 1 của Điều này sẽ không áp dụng cho các sửa đổi đối với:
   a) Bất cứ nội dung nào của Điều lệ này nếu việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh đó do sự thay đổi của quy định của pháp luật: Khi các quy định của pháp luật thay đổi làm bất cứ nội dung nào trong Điều lệ này có thay đổi theo, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi nội dung có liên quan đó mà không cần phải có nghị quyết của Đại hội Nhà Đầu Tư.
   b) Chỉnh sửa lỗi chính tả, số thứ tự của các chương hoặc điều phát sinh từ sự thay đổi của Điều lệ đã được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua: Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ sửa đổi khi những lỗi đó hoặc những thay đổi đó được phát hiện hoặc trở nên cần thiết.
3. Bất cứ sửa đổi bổ sung nào đối với Điều Lệ, bao gồm cả các sửa đổi bổ sung theo quy định tại Khoản 2 của Điều này sẽ phải báo cáo tới Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lưu hồ sơ tất cả các sửa đổi của Điều Lệ này.

4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì cơ sở để giải thích, giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

ĐIỀU 69. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 70. ĐĂNG KÝ ĐIỀU LỆ

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 70 Điều và 05 Phụ lục.
2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị như nhau:
   a) 01 (một) bản để báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
   b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và
   c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

PHỤ LỤC 5: GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ

NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

Trần Quang Vinh

4. Trong trường hợp phát sinh những vấn đề chưa được dự liệu trong Điều lệ này thì sẽ do Đại hội đồng cổ đông giải quyết những vấn đề đó là các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan khác.

ĐIỀU 65: GIẢI TRÌNH CÔNG TY NHÀ NƯỚC

Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

ĐIỀU 66: CÁC PHỤ LỤC

1. Điều lệ này gồm 15 Chương, 70 Điều và 05 Phụ lục.
2. Các Nhà Đầu Tư, Ban Đại diện Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát và các bên có liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều lệ này.
3. Các bản trích lục hoặc bản sao của Điều lệ này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ hoặc người đại diện hợp pháp của công ty quản lý quỹ.
4. Điều lệ này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị như nhau:

   a) 01 (một) bản để báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

   b) 03 (ba) bản được lưu tại Công ty Quản lý Quỹ; và

   c) 01 (một) bản được lưu tại Ngân hàng Giám sát.

Bình kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

PHỤ LỤC 5: GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM
T.G.Đ - GIÁM ĐỐC

Trần Quang Vinh

PHỤ LỤC 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

Giấy Phép Thành Lập Và Hoạt Động số 23/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPĐC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.

Trụ sở chính: Tầng 9 Tòa nhà Hapro số 11B Cát Linh, Đống Đa, Hà nội

Điện thoại: 024 39747088

Fax: 024 39747014

Công Ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM:

1. Tuân thủ pháp luật và Điều lệ trong hoạt động quản lý Quỹ;
2. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý Quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với các mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư;
3. Đảm bảo rằng Quỹ luôn có Ngân hàng Giám sát tại mọi thời điểm;
4. Đảm bảo rằng Ban đại diện Quỹ được thông báo về tất cả các thông tin có liên quan tới Quỹ được điều chỉnh bởi Điều lệ này;
5. Thanh toán tất cả các khoản giá dịch vụ cho Ngân hàng Giám sát và các nhà cung cấp dịch vụ khác như quy định tại Điều lệ;
6. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho Ngân hàng Giám sát bao gồm các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quỹ, Sổ Đăng ký và số lượng Đơn Vị Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ, báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ, bản đánh giá NAV của Quỹ, NAV trên một Đơn Vị Quỹ và các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác;
7. Cung cấp các tài liệu và giấy tờ cho các nhà cung cấp dịch vụ khác để hỗ trợ các nhà cung cấp này hoàn thành việc cung cấp dịch vụ theo quy định của Pháp Luật hoặc nếu nhà cung cấp có yêu cầu;
8. Cung cấp cho Nhà Đầu Tư bản in của Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ, báo cáo thường niên và các báo cáo khác của Quỹ, báo cáo thường niên của Ngân hàng Giám sát về công tác quản lý Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ và tất cả các sửa đổi và bổ sung và các tài liệu có liên quan khác nếu Nhà Đầu Tư yêu cầu;
9. Không đầu tư vào các chứng khoán hoặc tài sản mà Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người liên quan có quyền lợi trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó trừ khi được Pháp Luật cho phép;

10. Luôn luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư và không lợi dụng vị thế là Công Ty Quản Lý Quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của Nhà Đầu Tư;
11. Đảm bảo việc định giá và kế toán của các Quỹ là chân thực, chính xác và đúng thời hạn;
12. Đảm bảo rằng tất cả các thông tin được công bố bởi Công Ty Quản Lý Quỹ là hoàn chỉnh, trung thực và chính xác và không bỏ sót những sự kiện ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư hoặc những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của các thông tin được công bố nêu trên hoặc các thông tin phải công bố theo quy định của Pháp Luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư;
13. Luôn hoạt động vì lợi ích của Nhà Đầu Tư và không lợi dụng vị thế của mình để thực hiện các giao dịch vi phạm Pháp Luật và thông lệ chuyên nghiệp quốc tế tốt nhất;
14. Cung cấp các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời;
15. Báo cáo kịp thời cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất;
16. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

Trần Quang Vinh

PHỤ LỤC 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Ngân hàng Giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công ty Quản lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tuy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân hàng Giám sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công ty Quản lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân hàng Giám sát, tài sản của Công ty Quản lý Quỹ và tài sản của các Quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân hàng Giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ Quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công ty Quản lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý Quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công ty Quản lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Mạnh Cường

PHỤ LỤC 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công Ty Cổ Phần Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam

Giấy phép số 23/UBCK-GP do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/12/2007 và Giấy phép sửa đổi gần nhất số 48/GPDC-UBCK do UBCK cấp ngày 10/08/2020.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành

Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ mười hai (12) ngày 16/06/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 510/QĐ-ĐKHĐLK ngày 01/08/2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành cùng cam kết:

Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.

Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.

Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.

Cùng cam kết không nhận bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ NGÂN HÀNG TMCP ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM	**NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH HÀ THÀNH**
GIÁM ĐỐC	**PHÓ GIÁM ĐỐC**
Trần Quang Vinh	**Nguyễn Mạnh Cường**

PHỤ LỤC 4

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

1. Phạm vi áp dụng

Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này là một phần không thể thiếu cùng với các tài liệu Quỹ khác (Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt) của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được xây dựng để hướng dẫn cho việc định giá các tài sản trong Danh Mục của Quỹ tại các ngày định giá của Quỹ Đầu tư Cân bằng PVCOM trong quá trình hoạt động, nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về thành lập và quản lý Quỹ Mở.

2. Ngày định giá

Là ngày mà Công ty Quản lý Quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định tại Luật chứng khoán và điều lệ Quỹ.

- Ngày định giá là Ngày Giao Dịch và ngày đầu tiên của tháng tiếp theo cho việc định giá để làm báo cáo tháng, quý, năm.
- Ngay sau khi Ngân hàng Giám sát xác nhận việc xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ, Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một Chứng chỉ quỹ sẽ được công bố công khai cho Nhà Đầu Tư theo quy định hiện hành.

3. Tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

3.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, Công ty xem xét việc lựa chọn và trình Ban Đại diện Quỹ phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá;
- Không phải là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng lưu ký

3.2. Thay đổi tổ chức cung cấp báo giá khi có một trong những tiêu chí sau:

- Khi các tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá không còn chức năng hoặc không được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá;
- Các tổ chức cung cấp báo giá đang báo giá trở thành người có liên quan của Công ty hoặc Ngân hàng giám sát có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.
- Ban Đại diện Quỹ quyết định thay đổi tổ chức cung cấp báo giá.

- Có những thay đổi theo quy định của các cơ quan chức năng về phương thức báo giá.

4. Phương pháp xác định Giá trị tài sản của Quỹ

4.1. Giá trị tài sản tài chính

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày định giá
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi không kỳ hạn	Toàn bộ số dư tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn tại ngày trước Ngày định giá
4	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày định giá
5	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu Ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	- *Đối với công cụ thị trường tiền tệ niêm yết*: + Giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán HSX, HNX tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày định giá. + Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: • Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; • Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định. - *Đối với công cụ thị trường tiền tệ chưa niêm yết*, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống như sau: + Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày định giá; + Theo phương pháp do Ban đại diện quỹ quyết định.
Trái phiếu		

6	Trái phiếu niêm yết	- Giá thị trường là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch (*) (hoặc tên gọi khác theo quy chế của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười lăm 15 ngày tính đến ngày trước ngày định giá cộng lãi lũy kế, nếu giá yết chưa bao gồm lãi lũy kế. - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm 15 ngày tính đến ngày định giá thì giá trái phiếu được sử dụng để định giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: • Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc • Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc • Giá xác định theo Phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận ***Ghi chú:*** - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu doanh nghiệp niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
7	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (*) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; - Trong trường hợp không có giá yết trên hệ thống báo giá là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; + Mệnh giá cộng lãi lũy kế. + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận ***Ghi chú:*** *(*) Trong trường hợp tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá có nhiều hơn một giao dịch của trái phiếu cần định giá (dẫn đến có nhiều giá yết), giá sử dụng là bình quân của các giá yết đã thực hiện trong ngày đó.* - Đối với trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu: Tại ngày trước ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định theo cơ sở giá trái phiếu không niêm yết như trên. Tại ngày chuyển đổi thành cổ phiếu, giá được xác định như các tiêu chí của mục Cổ phiếu.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao	- Giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước

	dịch chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, và cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống Upcom	Ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày định giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện chấp thuận
9	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	- Giá trị trung bình dựa trên báo giá của ba (03) tổ chức báo giá tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá - Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá trung bình từ các báo giá (nếu có từ hai tổ chức báo giá cung cấp); + Nếu không có đủ hai báo giá: Giá đã được xác định từ kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến Ngày định giá; + Giá mua; + Giá theo phương pháp giá trị sổ sách. + Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá đóng cửa gần nhất (nhưng không quá 03 tháng) tính đến Ngày định giá; + Giá trị sổ sách theo báo cáo tài chính gần nhất (nhưng không quá 06 tháng) tính đến Ngày định giá; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: + 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày định giá; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá được xác định theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới như sau: + Giá mua/giá trị vốn góp; + Giá trị sổ sách; + Theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp

		thuận
13	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành quyền mua) x tỷ lệ chuyển đổi} Giá cổ phiếu được xác định như các tiêu chí của mục 8,9,10,11,12 ở trên.
Các tài sản khác		
14	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận theo từng trường hợp cụ thể.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước Ngày định giá;*
- *Công ty Quản lý Quỹ có thể tự định giá hoặc thuê một tổ chức định giá độc lập khác;*
- *Các quyền phát sinh từ tài sản thuộc danh mục của quỹ được ghi nhận tại ngày giao dịch không hưởng quyền;*

5. Phương pháp xác định Giá trị tài sản ròng và Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ

- Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV): bằng tổng giá trị của các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của quỹ.

NAV = Tổng tài sản có của Quỹ - Tổng nợ phải trả của Quỹ

- Giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ (NAV/1CCQ): bằng giá trị tài sản ròng của quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và được làm tròn xuống đến 2 chữ số thập phân. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của quỹ được hạch toán vào quỹ.

$$V = \frac{NAV}{N}$$

Trong đó: V : giá trị của Chứng chỉ Quỹ.

N : tổng số Chứng chỉ Quỹ đang lưu hành

NAV : tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ

6. Quy trình định giá

- Trước Ngày định giá ngày T-1, Công ty Quản lý Quỹ hoặc Tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền thực hiện xác định Giá trị Tài sản Ròng và Giá trị Tài sản Ròng trên một Đơn vị chứng chỉ Quỹ theo các nguyên tắc định giá hợp lý quy định tại Mục 4 & 5.

- Công ty Quản lý Quỹ thực hiện lấy giá từ Tổ chức cung cấp báo giá trong danh sách đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và lấy giá từ hệ thống báo giá, để cung cấp cho tổ chức cung cấp dịch vụ được ủy quyền xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- Giá trị Tài sản ròng của Quỹ, Giá trị Tài sản ròng của một Chứng chỉ quỹ được chuyển cho Ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân hàng Giám sát đã được Công ty Quản lý quỹ chấp thuận.
- Trường hợp bị định giá sai, Ngân hàng Giám sát phối hợp cùng Công ty Quản lý quỹ điều chỉnh trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ.
- Trong thời hạn tối đa ba (03) ngày, kể từ ngày định giá, giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng của chứng chỉ quỹ phải được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Quy trình thay đổi các nội dung tại Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- Khi các điều kiện thị trường thay đổi, Công ty Quản lý Quỹ nhận thấy cần thiết phải thay đổi nguyên tắc định giá tài sản hoặc nội dung khác trong Phương pháp xác định giá trị tài sản ròngđể phản ánh giá trị danh mục được chính xác hơn, Công ty Quản lý Quỹ sẽ đề xuất các sửa đổi, bổ sung trong Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được Công ty Quản lý quỹ đề xuất để cấp có thẩm quyền phê duyệt thông qua.
- Các sửa đổi, bổ sung này sẽ được áp dụng vào Ngày định giá gần nhất sau ngày Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng mới được phê duyệt.

8. Điều khoản thi hành

- Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này;
- Trong quá trình thực hiện, nếu có những vấn đề gì mới hoặc những vấn đề nằm ngoài Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng này, các đơn vị báo cáo Giám đốc tiến hành sửa đổi, bổ sung kịp thời. Việc sửa đổi, bổ sung do Giám đốc Công ty quyết định.

PHỤ LỤC 5

GIÁ DỊCH VỤ LƯU KÝ GIÁM SÁT VÀ GIÁ DỊCH VỤ ỦY QUYỀN

1. Giá dịch vụ Lưu ký và Giám sát

Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.I Giá dịch vụ lưu ký, giám sát				
A.1.1	Giá dịch vụ Lưu ký	0,05%*NAV/Năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng	
A.1.2	Giá dịch vụ Giám sát	0,02%*NAV/Năm	Tối thiểu 5.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%
A.II Giá dịch vụ lưu ký xử lý hồ sơ				
A.2.1	Đối với giao dịch cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch	0,03% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.2	Đối với giao dịch trái phiếu niêm yết	0,01% giá trị giao dịch	Tối thiểu 100.000 đồng/ngày giao dịch Tối đa 10.000.000 đồng/ngày giao dịch	
A.2.3	Đối với các giao dịch mua bán chứng khoán OTC và các tài sản khác	Miễn phí		
A.III Giá dịch vụ lưu ký, chuyển khoản của VSD (Giá dịch vụ của bên thứ 3)				
A.3.1	Giá dịch vụ lưu ký	0,27 đồng/cổ phiếu, CCQ/tháng; 0,18 đồng/trái phiếu/tháng	Tối đa: 2.000.000 đồng/tháng/mã trái phiếu	Giá dịch vụ lưu ký và Giá dịch vụ chuyển khoản được tính toán theo biểu giá dịch vụ của Bộ Tài chính quy định trong từng thời kỳ. Khi Bộ Tài chính thay đổi biểu **Giá dịch vụ**
A.3.2	Giá dịch vụ chuyển khoản thực hiện giao dịch	0,3 đồng/chứng khoán/ 1 lần chuyển khoản/1 mã	Tối thiểu: Không áp dụng Tối đa: 300.000 đồng/lần/mã CK	

Stt	Loại Giá dịch vụ	Mức Giá	Tối thiểu / Tối đa	Ghi chú
A.3.3	Các khoản Giá dịch vụ VSD thu của thành viên liên quan trực tiếp đến hoạt động của Quỹ	Theo mức phát sinh cụ thể		thì khoản mục này sẽ thay đổi tương ứng
A.IV Giá dịch vụ Quản trị Quỹ				
A.4.1	Giá dịch vụ Quản trị Quỹ	0,03%*NAV/năm	Tối thiểu 15.000.000 đồng/tháng	Thuế VAT 10%

Ghi chú: *Biểu Giá dịch vụ trên chưa bao gồm VAT (nếu có), được tính trên cơ sở 1 năm có 365/366 ngày và chưa bao gồm phí thanh toán, Giá dịch vụ tài khoản (duy trì TK, internet banking...) phục vụ cho hoạt động của Quỹ và phân phối cổ tức.*

2. Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng cho Quỹ với mức Giá dịch vụ như sau:

Giá dịch vụ Đại lý Chuyển nhượng:

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
1	Tiền cố định hàng tháng	10.000.000 đồng/tháng
2	Tiền thiết lập, duy trì thông tin - Thiết lập dữ liệu ĐLPP, NHGS - Thiết lập dữ liệu Nhà Đầu Tư - Duy trì thông tin tài khoản Nhà Đầu Tư	Miễn phí
3	Tiền kết nối - Khởi tạo kết nối lần đầu - Duy trì kết nối hàng tháng	Miễn phí
4	Tiền cung cấp thông tin - Thông tin giao dịch hàng ngày - Thông tin kết quả giao dịch tại các ngày giao dịch - Thông tin về số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	Miễn phí

Stt	Loại tiền dịch vụ	Mức phí (*)
	- Thông tin danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu chứng chỉ quỹ	
5	Tiền thực hiện quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	 1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

Phí khác

Tiền gửi thư cho Nhà Đầu Tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo tài liệu chứng minh.

Trường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, mức tiền Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.

	- Thông tin danh sách Nhà Đầu Tư sở hữu chứng chỉ quỹ	
5	Thẩm được biểu quyền - Lập danh sách thực hiện quyền - Phân phối lợi tức	1.000.000 đồng/lần lập danh sách Miễn phí

(*) Chưa bao gồm thuế VAT

Phí khác

Trên gửi thư cho Nhà Đầu Tư sẽ được Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD theo thực tế phát sinh do VSD gửi cho Công ty Quản lý Quỹ kèm theo hóa đơn chứng minh.

Thường hợp có yêu cầu cung cấp thông tin đặc thù theo yêu cầu hoặc các công việc khác, ngoài hiện Công ty Quản lý Quỹ trả cho VSD đối với các dịch vụ này được thực hiện trên cơ sở văn bản thỏa thuận đã được hai bên thống nhất.